

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU SAO VIỆT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU SAO VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAO VIET BRAND DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108241586

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2018

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 1 ngõ 165/85 ngõ chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961 806 994

Fax:

Email: mai.saovietland@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4764     |
| 2.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4772     |
| 3.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6190     |
| 4.  | Cổng thông tin<br>chi tiết: Hoạt động điều hành các website (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6312     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ kinh doanh được phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649     |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tủ điện; tủ hạ thế; máy phát điện; chiller; tháp giải nhiệt; quạt thông gió; bơm các loại cho hệ thống cấp thoát nước, thiết bị phòng cháy chữa cháy, điều hòa không khí; bơm nhiệt; khóa cửa các loại; thang máy, thang cuốn các loại; dây cáp điện, dây dẫn điện; các loại đèn trần, đèn trang trí;<br>- Bán buôn tổng hợp các mặt hàng điện máy, điện gia dụng, điện tử, hàng hóa công nghệ viễn thông và phụ kiện. | 4690     |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4741     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói lợp mái; đá, cát, sỏi; gạch lát sàn, gạch ốp tường;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng khác;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá các loại;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663        |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế, chứng khoán);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7020(Chính) |
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Không bao gồm tư vấn giá nhà, đất);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6820        |
| 11. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: - Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7810        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ logistics (không bao gồm dịch vụ vận tải hàng không và dịch vụ bưu chính)<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Đóng gói, bao gói hàng hóa;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                                                                                                  | 5229        |
| 13. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911        |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7920        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7320        |
| 16. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng)<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4762        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài;<br>- Bán lẻ dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác;<br>- Bán lẻ sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép;<br>- Bán lẻ bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm, bột màu;<br>- Bán lẻ kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, vách ngăn, cửa sổ, cửa ra vào;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói lợp mái;<br>- Bán lẻ đá, cát, sỏi;<br>- Bán lẻ vật liệu xây dựng khác;<br>- Bán lẻ gạch lát sàn, gạch ốp tường;<br>- Bán lẻ bình đun nước nóng;<br>- Bán lẻ thiết bị vệ sinh.<br>- Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh;<br>- Bán lẻ thảm treo, thảm trải sàn, chăn, đệm;<br>- Bán lẻ màn và rèm;<br>- Bán lẻ vật liệu phủ tường, phủ sàn. | 4752 |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651 |
| 19. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6619 |
| 20. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4771 |
| 21. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4641 |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4653 |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>(Trừ dịch vụ kế toán, bảo vệ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8110 |
| 25. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6329 |
| 26. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4723 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4763 |
| 28. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4761 |

|     |                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Dịch vụ đóng gói<br>(trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).                                                    | 8292 |
| 30. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch. | 7490 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN PHÚC | Thôn Phong Lâm, Xã Hoàng Diệu, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    | 142546432                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | MAI VĂN HƯƠNG | Thôn Giáp Bốn, Xã Tuy Lai, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 650.000    | 6.500.000.000         | 65,000    | 017203361                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 650.000    | 6.500.000.000         | 65,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM THỊ HẠNH | Thôn Cao Lý, Xã Gia Khánh, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 142546915                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: MAI VĂN HƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/02/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017203361

Ngày cấp: 24/06/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Giáp Bốn, Xã Tuy Lai, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Giáp Bốn, Xã Tuy Lai, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội